

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THƠ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Tháng 08 năm 2014

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2014)
Ông Phan Minh Sáng	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2014)
Ông Phạm Văn Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên
Ông Bùi Xuân Trung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2014)
Ông Lý Thanh Tùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2014)
Ông Trương Tấn Lộc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2014)
Ông Trần Văn Thuộc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2014)
Ông Vũ Hồng Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Minh Sáng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23/05/2014)
Ông Phạm Văn Tuấn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23/05/2014)
Ông Đỗ Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lý Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23/05/2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Đã ký và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Phạm Minh Sáng
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Số: 040 /VACO/BCKT.HCM

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 được lập ngày 25 tháng 08 năm 2014, từ trang 04 đến trang 25 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
kiểm Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Nguyễn Mạnh Thắng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHN số 1826-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014		01/01/2014	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		175.588.465.841		160.698.688.632	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	26.791.410.945		28.914.503.994	
1. Tiền	111		17.491.410.945		19.914.503.994	
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.300.000.000		9.000.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	-		8.000.000.000	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-		8.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.042.239.681		61.738.754.727	
1. Phải thu khách hàng	131	6	52.172.328.981		62.631.304.892	
2. Trả trước cho người bán	132		1.938.190.000		7.310.945.286	
3. Các khoản phải thu khác	135		675.808.110		540.591.959	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(8.744.087.410)		(8.744.087.410)	
IV. Hàng tồn kho	140	7	99.171.747.160		56.291.992.208	
1. Hàng tồn kho	141		99.925.971.149		56.291.992.208	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(754.223.989)		-	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.583.068.055		5.753.437.703	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		112.797.396		630.801.919	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.612.582.593		4.475.169.811	
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		1.457.668.681		128.252.700	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		400.019.385		519.213.273	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)	200		167.405.342.713		171.289.609.878	
I. Tài sản cố định	220		137.382.673.172		140.827.001.927	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	99.328.544.369		103.240.661.124	
- Nguyên giá	222		164.304.919.773		162.818.195.373	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.976.375.404)		(59.577.534.249)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	20.376.803.433		20.376.803.433	
- Nguyên giá	228		20.798.476.999		20.798.476.999	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(421.673.566)		(421.673.566)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	17.677.325.370		17.209.537.370	
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	2.045.655.000		2.045.655.000	
1. Đầu tư dài hạn khác	258		2.045.655.000		2.045.655.000	
III. Tài sản dài hạn khác	260		27.977.014.541		28.416.952.951	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		27.917.014.541		28.416.952.951	
2. Tài sản dài hạn khác	268		60.000.000		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		342.993.808.554		331.988.298.510	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		175.936.561.307	169.634.674.277
I. Nợ ngắn hạn	310		169.136.561.307	151.834.674.277
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	74.858.474.852	95.795.732.436
2. Phải trả người bán	312	14	51.586.799.301	11.718.883.207
3. Người mua trả tiền trước	313		2.504.857.842	4.724.440.742
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	2.458.179.242	6.294.848.768
5. Phải trả người lao động	315		15.324.808.573	10.715.346.880
6. Chi phí phải trả	316		2.372.223.968	2.677.695.635
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	13.698.936.232	13.051.795.714
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.332.281.297	6.855.930.895
II. Nợ dài hạn	330		6.800.000.000	17.800.000.000
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	6.800.000.000	17.800.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		132.746.165.285	127.705.354.730
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	132.746.165.285	127.705.354.730
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		83.129.150.000	83.129.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.666.797.196	2.389.610.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		127.728.500	127.728.500
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(3.807.416.804)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		69.171.084.601	68.891.933.657
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		29.621.618.926	29.100.283.062
7. Lợi nhuận/(Lỗ lũy kế) sau thuế chưa phân phối	420		(52.970.213.938)	(52.125.933.685)
B. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		34.311.081.962	34.648.269.503
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		342.993.808.554	331.988.298.510

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Ngoại tệ USD
2. Ngoại tệ EUR

	30/06/2014	01/01/2014
1. Ngoại tệ USD	366.387,28	398.472,84
2. Ngoại tệ EUR	484,08	495,00



Phan Minh Sáng
Tổng Giám đốc
Tp. Cần Thơ, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Trần Tấn Long Thạch
Kế toán trưởng

Trần Tấn Long Thạch
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B 02a-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		204.453.302.971	439.741.026.958
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.128.772.369	1.395.291.426
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	203.324.530.602	438.345.735.532
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	20	164.875.020.815	402.816.616.955
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.449.509.787	35.529.118.577
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.149.310.307	1.911.178.989
7. Chi phí tài chính	22	23	4.696.678.130	11.302.453.565
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		3.938.547.725	10.128.373.688
8. Chi phí bán hàng	24		12.384.123.642	15.190.929.601
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.424.455.401	12.979.729.199
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		4.093.562.921	(2.032.814.799)
11. Thu nhập khác	31		888.865.683	57.389.557.472
12. Chi phí khác	32		32.590.280	45.442.534.084
13. Lợi nhuận khác	40		856.275.403	11.947.023.388
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.949.838.324	9.914.208.589
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.544.249.673	3.447.037.012
16. Lợi nhuận sau thuế	60		2.405.588.651	6.467.171.577
Phân phối cho:				
Lợi ích cổ đông thiểu số			44.877.929	(632.380.014)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			2.360.710.722	7.099.551.591
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		294	886



Phạm Minh Sáng
Tổng Giám đốc

Tp. Cần Thơ, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Trần Tấn Long Thạch
Kế toán trưởng

Trần Tấn Long Thạch
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

MẪU SỐ B 03a-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014
		đến 30/06/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	1	4.949.838.324
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	2	5.541.568.675
- Chi phí lãi vay	6	541.488.410
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	11.032.895.409
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	17.229.686.283
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(42.879.754.952)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	42.174.849.824
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.017.942.933
- Tiền lãi vay đã trả	13	(541.488.410)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.956.305.285)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(60.000.000)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.169.067.267)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	18.848.758.535
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.119.198.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	8.000.000.000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.084.604.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.965.406.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	126.775.478.629
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(158.712.736.213)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(31.937.257.584)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.123.093.049)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.914.503.994
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	26.791.410.945



Phan Minh Sáng
Tổng Giám đốc
Tp. Cần Thơ, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Trần Tân Long Thạch
Kế toán trưởng

Trần Tân Long Thạch
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, theo quyết định số 2500/QĐ-CT.UB ngày 25/07/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND Thành phố Cần Thơ).

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 7 ngày 10/07/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 07 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 83.129.150.000 đồng, tương đương 8.312.915 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Ngọc Bích	1.700.010	17.000.100.000	20,45%
Trương Tấn Lộc	562.980	5.629.800.000	6,77%
Bàng Minh Trang	461.050	4.610.500.000	5,55%
Cổ đông khác	5.588.875	55.888.750.000	67,23%
Cộng	8.312.915	83.129.150.000	100,00%

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TSC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2014 là 633 người (tại ngày 31/12/2013 là 688 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Bán buôn phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Chế biến và bảo quản rau quả.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Công ty có đầu tư vào hai công ty con với tỷ lệ sở hữu vốn như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ Phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Thành phố Cần Thơ	95,45%	95,45%	Chế biến nông sản xuất khẩu
Công ty Cổ phần Nông dược TSC	Tỉnh Long An	57,31%	57,31%	Kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến cuối kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản kỳ quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Bà Trần Ngọc Diễm

Mối quan hệ

Vợ Thành viên HĐQT kiêm
phó Tổng giám đốc Công ty (từ
nhiệm từ ngày 27/6/2014)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	279.177.420	203.973.618
Tiền gửi ngân hàng	17.212.233.525	19.710.530.376
Các khoản tương đương tiền	9.300.000.000	9.000.000.000
Cộng	26.791.410.945	28.914.503.994

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	-	8.000.000.000
Cộng	-	8.000.000.000

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
DNTN Trung Đông	3.520.000.000	3.620.000.000
Trương Tấn Lộc	2.873.758.000	3.130.758.000
Công ty TNHH TMDV Quang Trung	2.367.500.000	-
DNTN Quý Hằng	4.562.694.277	4.394.511.027
Công ty TNHH Sản Xuất TM Hải Hằng	2.448.022.608	2.312.147.977
Đại Lý VTNN Tích Thảo	2.212.065.189	2.212.065.189
Hộ Kinh Doanh Tấn Tài	1.634.303.200	1.824.303.200
Cty TNHH An Hưng Phát	1.485.000.000	1.485.567.000
Cửa hàng mua bán thuốc BVTV Trịnh Ngọc Tuấn	1.244.948.659	1.846.062.714
Đại Lý VTNN Diễm Tươi	1.061.198.303	1.160.792.471
Nguyễn Thanh Long	962.480.581	962.480.581
Cửa hàng VTNN Thái Công Tại	927.197.498	1.455.447.007
Đại Lý VTNN Minh Anh	853.693.280	1.166.864.915
Maxwill (ASIA) PTE LTD	3.495.760.047	10.840.224.206
CV TRADING	2.006.971.200	-
PORT ROYAL SALES LTD	1.348.814.894	692.869.968
KATAOKA AND CO., LTD	2.178.452.432	5.651.707.740
KK FOOD TRADING CO.,LTD	790.789.920	645.707.040
Các đối tượng khác	16.198.678.893	19.229.795.857
	52.172.328.981	62.631.304.892

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên vật liệu	29.231.454.657	14.735.558.853
Công cụ dụng cụ	586.812.529	524.407.150
Thành phẩm	26.988.768.969	23.460.247.016
Hàng hóa	43.118.934.994	17.571.779.189
Cộng	99.925.971.149	56.291.992.208
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(754.223.989)	-
Tổng cộng	99.171.747.160	56.291.992.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MÀU SỐ B 09a-DN/HN

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2014	102.232.169.809	48.834.563.957	11.300.070.984	353.980.977	97.409.646	162.818.195.373	
Mua trong năm	-	564.690.000	1.086.720.000	-	-	1.651.410.000	
Thanh lý, nhượng bán	-	(164.685.600)	-	-	-	(164.685.600)	
Tại ngày 30/06/2014	102.232.169.809	49.234.568.357	12.386.790.984	353.980.977	97.409.646	164.304.919.773	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2014	29.649.767.839	22.114.696.425	7.459.776.502	255.883.837	97.409.646	59.577.534.249	
Khấu hao trong năm	2.622.960.221	2.333.317.256	569.514.534	15.776.664	-	5.541.568.675	
Thanh lý, nhượng bán	-	(142.727.520)	-	-	-	(142.727.520)	
Tại ngày 30/06/2014	32.272.728.060	24.305.286.161	8.029.291.036	271.660.501	97.409.646	64.976.375.404	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 30/06/2014	69.959.441.749	24.929.282.196	4.357.499.948	82.320.476	-	99.328.544.369	
Tại ngày 01/01/2014	72.582.401.970	26.719.867.532	3.840.294.482	98.097.140	-	103.240.661.124	

Công ty đã sử dụng một số tài sản cố định để thế chấp cho các khoản vay với giá trị là 89.224.049.137 đồng (31/12/2013: 82.009.287.232 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2014 là 18.396.468.176 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 17.752.829.666 đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền nhãn thuốc	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	20.376.803.433	308.405.680	113.267.886	20.798.476.999
Mua sắm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2014	<u>20.376.803.433</u>	<u>308.405.680</u>	<u>113.267.886</u>	<u>20.798.476.999</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	-	308.405.680	113.267.886	421.673.566
Khấu hao trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2014	<u>-</u>	<u>308.405.680</u>	<u>113.267.886</u>	<u>421.673.566</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/06/2014	<u>20.376.803.433</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>20.376.803.433</u>
Tại ngày 01/01/2014	<u>20.376.803.433</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>20.376.803.433</u>

Quyền sử dụng đất của Công ty phần lớn là đất nông nghiệp với thời hạn sử dụng là 25 năm. Theo quy định của pháp luật hiện hành về đất nông nghiệp, Công ty có quyền tiếp tục gia hạn thời hạn thuê đất nông nghiệp khi hết hạn. Ban Giám đốc dự định Công ty sẽ tiếp tục gia hạn thuê đất trong tương lai, do đó Công ty không trích khấu hao cho các tài sản này.

10. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Mua đất chưa hoàn tất thủ tục chuyển sang tên TSC	16.326.057.369	16.326.057.370
Chi phí đăng ký bản quyền nhãn thuốc	550.780.000	550.780.000
Chi phí khảo nghiệm, đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	310.700.000	310.700.000
Lệ phí đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	24.800.000	22.000.000
Công trình hệ thống xử lý nước thải	464.988.001	-
	<u>17.677.325.370</u>	<u>17.209.537.370</u>

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ	Tương ứng số vốn sở hữu	Số vốn thực tế đầu tư
Công ty CP CBTPXK Miền Tây	32.085.000.000	95,45%	30.624.300.000	31.735.359.376
Công ty CP Nông dược TSC	90.000.000.000	57,31%	51.575.000.000	51.575.000.000
Cộng	<u>122.085.000.000</u>		<u>82.199.300.000</u>	<u>83.310.359.376</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của Công ty	Tương ứng số vốn sở hữu	Số vốn thực tế đầu tư
Công ty CP xếp dỡ và dịch vụ CSG	40.500.000.000	5%	2.025.000.000	2.045.655.000
Cộng	40.500.000.000	5%	2.025.000.000	2.045.655.000

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn	68.858.474.852	95.795.732.436
Vay dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	-
	74.858.474.852	95.795.732.436

Chi tiết các khoản vay như sau:

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	39.850.000.000	55.764.417.505
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cần Thơ	35.008.474.852	30.193.732.566
Vay cá nhân	-	9.837.582.365
	74.858.474.852	95.795.732.436

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Hợp tác xã Thanh Phong	35.420.222.099	-
NONFENG AGROCHEM CO., LTD	12.637.503.000	2.352.242.600
HK PESTICIDE ENTERPRISE LIMITED	-	2.089.945.200
Công ty TNHH Kiên Nam	220.999.800	-
Công ty TNHH Thuận An Điền	158.951.786	58.292.497
Công ty TNHH Việt Nam Chuan Li Can Manufacturing	1.284.956.968	3.369.329.893
Công ty TNHH King Group	391.179.151	416.749.542
Các đối tượng khác	1.472.986.497	3.432.323.475
	51.586.799.301	11.718.883.207

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	168.014.920	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.224.249.673	6.228.680.951
Thuế thu nhập cá nhân	65.914.649	66.167.817
Cộng	2.458.179.242	6.294.848.768

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	66.854.157	148.847.780
Bảo hiểm xã hội	8.829.951	-
Bảo hiểm y tế	657.099	1.795.987
Bảo hiểm thất nghiệp	-	54.940
Cổ tức phải trả (*)	12.608.139.000	12.573.266.264
Quỹ sắp xếp doanh nghiệp	45.300.743	-
Hoa hồng thu hộ thuế TNCN	27.793.225	-
Thưởng xuất khẩu của Bộ Thương Mại	85.000.000	85.000.000
Xuất hàng đổi cho đại lý	409.748.000	31.420.078
Thu tiền lệch giá thuốc cỏ	187.150.000	-
Thuế TNCN của công nhân viên	19.557.160	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	239.906.897	211.410.665
	<u>13.698.936.232</u>	<u>13.051.795.714</u>

(*) Cổ tức phải trả phản ánh số cổ tức được chia từ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 mà Công ty chưa thanh toán cho các Cổ đông.

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Cần Thơ	6.800.000.000	17.800.000.000
	<u>6.800.000.000</u>	<u>17.800.000.000</u>

Lịch trả vay dài hạn:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	6.000.000.000	11.000.000.000
Trong năm thứ hai	6.800.000.000	6.800.000.000
Cộng	12.800.000.000	17.800.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(6.000.000.000)	(11.000.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>6.800.000.000</u>	<u>6.800.000.000</u>

Các hợp đồng vay dài hạn của Công ty có thời hạn 60 tháng, chịu lãi suất 11,9%/năm và được tất toán một lần khi đến hạn. Công ty đã sử dụng một số tài sản cố định là máy móc thiết bị để đảm bảo cho khoản vay này (xem thêm tại thuyết minh số 08).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÀU SỐ B 09-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2013	83.129.150.000	2.389.610.000	127.728.500	(3.807.416.804)	68.074.416.804	28.630.863.998	(51.435.618.581)	127.108.733.917
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	17.631.987.066	17.631.987.066
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	817.516.853	469.419.064	(18.322.302.170)	(17.035.366.253)
Số dư tại 31/12/2013	83.129.150.000	2.389.610.000	127.728.500	(3.807.416.804)	68.891.933.657	29.100.283.062	(52.125.933.685)	127.705.354.730
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	2.405.588.651	2.405.588.651
Bán cổ phiếu quỹ	-	1.277.187.196	-	3.807.416.804	-	-	-	5.084.604.000
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	279.150.944	521.335.864	(3.249.868.904)	(2.449.382.096)
Số dư tại 30/06/2014	83.129.150.000	3.666.797.196	127.728.500	-	69.171.084.601	29.621.618.926	(52.970.213.938)	132.746.165.285

Đơn vị: VND

Trong kỳ, Công ty đã bán 300.000 cổ phiếu quỹ với giá trị chuyển nhượng 5.100.000.000 đồng, chi phí chuyển nhượng là 15.396.000 đồng.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD sửa đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 07 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 83.129.150.000 đồng. Tại ngày 30/06/2014, vốn điều lệ đã được các thành viên góp đủ như sau:

STT	Cổ đông	Đơn vị tính: VND	
		Số lượng cổ phần	Tỉ lệ
1	Bàng Minh Trang	461.050	5,55%
2	Nguyễn Ngọc Bích	1.700.010	20,45%
3	Trương Tấn Lộc	562.980	6,77%
4	Cổ đông khác	5.588.875	67,23%
Cộng		8.312.915	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa	80.436.548.812	321.789.040.418
Doanh thu bán thành phẩm	121.033.286.275	114.071.280.512
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.854.695.515	2.485.414.602
	203.324.530.602	438.345.735.532

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giá vốn bán hàng hóa	84.180.510.441	321.265.720.770
Giá vốn bán thành phẩm	80.343.642.321	80.604.534.398
Giá vốn cung cấp dịch vụ	350.868.053	946.361.787
	164.875.020.815	402.816.616.955

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	97.991.908.690	73.519.510.914
Chi phí nhân công	26.139.743.073	19.800.352.856
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.279.395.165	6.787.609.442
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.111.639.328	13.006.421.670
Chi phí khác	2.529.996.533	2.918.592.832
	146.052.682.789	116.032.487.714

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền gửi	487.250.214	117.429.997
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	229.169.753	310.472.992
Lãi chậm thanh toán	270.890.340	1.321.276.000
Cổ tức	162.000.000	162.000.000
	1.149.310.307	1.911.178.989

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi vay	3.938.547.725	10.128.373.688
Lỗ chênh lệch tỷ giá	541.488.410	967.001.308
Chi phí tài chính khác	216.641.995	207.078.569
	4.696.678.130	11.302.453.565

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
 Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản vay	81.658.474.852	113.595.732.436
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	26.791.410.945	28.914.503.994
Nợ thuần	54.867.063.907	84.681.228.442
Vốn chủ sở hữu	132.746.165.285	127.705.354.730
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,41	0,66

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.791.410.945	28.914.503.994
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.104.049.681	54.427.809.441
Đầu tư dài hạn khác	2.045.655.000	2.045.655.000
Ký quỹ	60.000.000	60.000.000
Tổng cộng	73.001.115.626	85.447.968.435
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	81.658.474.852	113.595.732.436
Phải trả người bán và phải trả khác	51.586.799.301	11.718.883.207
Chi phí phải trả	-	2.677.695.635
Tổng cộng	133.245.274.153	127.992.311.278

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1 – 5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Trên 5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.791.410.945	-	-	26.791.410.945
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.104.049.681	-	-	44.104.049.681
Đầu tư dài hạn khác	-	-	2.045.655.000	2.045.655.000
Ký quỹ	-	-	60.000.000	60.000.000
Tổng cộng	70.895.460.626	-	2.105.655.000	73.001.115.626
Các khoản vay	74.858.474.852	6.800.000.000	-	81.658.474.852
Phải trả người bán và phải trả khác	51.586.799.301	-	-	51.586.799.301
Tổng cộng	126.445.274.153	6.800.000.000	-	133.245.274.153
Chênh lệch thanh khoản thuần	(55.549.813.527)	(6.800.000.000)	2.105.655.000	(60.244.158.527)
	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1 – 5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Trên 5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.914.503.994	-	-	28.914.503.994
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.427.809.441	-	-	54.427.809.441
Đầu tư dài hạn khác	-	-	2.045.655.000	2.045.655.000
Ký quỹ	-	-	60.000.000	60.000.000
Tổng cộng	83.342.313.435	-	2.105.655.000	85.447.968.435
Các khoản vay	106.795.732.436	6.800.000.000	-	113.595.732.436
Phải trả người bán và phải trả khác	11.718.883.207	-	-	11.718.883.207
Chi phí phải trả	2.677.695.635	-	-	2.677.695.635
Tổng cộng	121.192.311.278	6.800.000.000	-	127.992.311.278
Chênh lệch thanh khoản thuần	(37.849.997.843)	(6.800.000.000)	2.105.655.000	(42.544.342.843)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Số dư với các bên liên quan:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Ông Trương Tấn Lộc	2.873.758.000	3.130.758.000

Vay ngắn hạn

Bà Trần Ngọc Diễm	-	9.837.582.365
-------------------	---	---------------

Giao dịch với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Thu tiền bán hàng		
Ông Trương Tấn Lộc	257.000.000	-
Trả lãi vay		
Bà Trần Ngọc Diễm	390.849.303	1.180.515.370
Vay ngắn hạn		
Bà Trần Ngọc Diễm	-	20.202.024.495

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập của Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Tổng thu nhập	552.000.000	552.000.000

26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Trong giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến ngày 22/07/2014, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T với số lượng 7.500.000 cổ phiếu, tương đương giá trị là 75.000.000.000 đồng, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty lên thành 158.129.150.000 đồng. Ngoài sự kiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ nói trên, Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 đã được soát xét.

Riêng Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được lập theo phương pháp trực tiếp nên không so sánh được với số liệu kỳ này được lập theo phương pháp gián tiếp.



[Signature]
Phan Minh Sáng
Tổng Giám đốc
Cần Thơ, ngày 25 tháng 08 năm 2014

[Signature]
Trần Tấn Long Thạch
Kế toán trưởng

[Signature]
Trần Tấn Long Thạch
Người lập biểu

